

GỢI Ý THAM KHẢO
PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN KHTN 6

Tuần 14,15

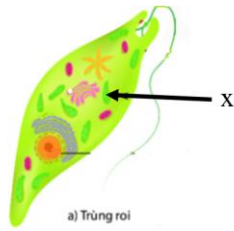
Từ ngày 06/12/2021 đến ngày 18/12/2021

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 7

DẶN DÒ:

Em học thuộc nội dung chủ đề 7

CÁC HOẠT ĐỘNG	HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN
Tên bài học/ chủ đề	ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 7
<u>Hoạt động</u>	<p>Câu 1. Cho các sinh vật sau: <i>trùng roi, cây bắp cải, cây ổi, con rắn, trùng giày, con báo gấm, con ốc sên, con cua đỏ, tảo lam, con ngựa vằn, vi khuẩn đường ruột, cây lúa nước, cây dương xỉ, vi khuẩn lao.</i></p> <p>Sắp xếp các sinh vật trên thành hai nhóm: cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào, tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.</p> <p>Trả lời:</p> <p>Nhóm cơ thể đơn bào: trùng roi, trùng giày, tảo lam, vi khuẩn đường ruột, vi khuẩn lao.</p> <p>Nhóm cơ thể đa bào: cây bắp cải, cây ổi, con rắn, con báo gấm, con ốc sên, con cua đỏ, con ngựa vằn, cây lúa nước, cây dương xỉ.</p> <p>Tế bào nhân sơ: vi khuẩn đường ruột, vi khuẩn lao</p> <p>Tế bào nhân thực: cây bắp cải, cây ổi, con rắn, con báo gấm, con ốc sên, con cua đỏ, con ngựa vằn, cây lúa nước, cây dương xỉ, trùng roi, trùng giày, tảo lam.</p> <p>Câu 2. Hoàn thành các câu sau:</p> <p>Cơ thể sinh vật được tạo thành từ (1) ... hay (2) ...</p> <p>(3) ... như trùng roi, trùng biến hình, (4) ... có kích thước hiển vi và số lượng cá thể nhiều.</p> <p>(5) ... có cấu tạo nhiều hơn một tế bào, ví dụ: động vật, thực vật, ...</p> <p>Trả lời:</p> <p>(1) một tế bào, (2) nhiều tế bào</p> <p>(3) Cơ thể đơn bào, (4) vi khuẩn, (5) Cơ thể đa bào</p> <p>Câu 3. Quan sát hình ảnh trùng roi và trả lời các câu hỏi.</p>



a) Thành phần cấu trúc x (có màu xanh) trong hình bên là gì?

- A. Lục lạp.
- B. Nhân tế bào.
- C. Không bào.
- D. Thức ăn.

b) Chức năng của thành phần cấu trúc x là gì?

- A. Hô hấp.
- B. Chuyển động.
- C. Sinh sản.
- D. Quang hợp.

Đáp án: a) A, b) D

Câu 4. Hãy chọn đáp án đúng.

a) Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ:

- A. hàng trăm tế bào.
- B. hàng nghìn tế bào.
- C. một tế bào.
- D. một số tế bào.

b) ... cơ thể đơn bào có thể nhìn thấy được bằng mắt thường?

- A. Không có.
- B. Tất cả.
- C. Đa số.
- D. Một số ít.

c) Cơ thể nào sau đây là đơn bào?

- A. Con chó.
- B. Trùng biến hình.
- C. Con ốc sên.
- D. Con cua.

Đáp án: a) C; b) D; c) B

Câu 5. Vật sống nào sau đây không có cấu tạo cơ thể là đa bào?

- A. Hoa hồng.

- B. Hoa mai.
- C. Hoa hướng dương.
- D. Tảo lục

Đáp án: D

Câu 6. Đơn vị cấu tạo cơ bản của mọi cơ thể sống?

- A. Mô
- B. Tế bào
- C. Cơ quan
- D. Hệ cơ quan

Đáp án: B

Câu 7. Trong cơ thể đa bào, tập hợp các tế bào giống nhau cùng thực hiện một chức năng nhất định là:

- A. Mô
- B. Tế bào
- C. Cơ quan
- D. Hệ cơ quan

Đáp án: A

Câu 8. Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là:

- A. Mô
- B. Tế bào
- C. Cơ quan
- D. Hệ cơ quan

Đáp án: B

Câu 9. Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là:

- A. Mô
- B. Tế bào
- C. Cơ quan
- D. Hệ cơ quan

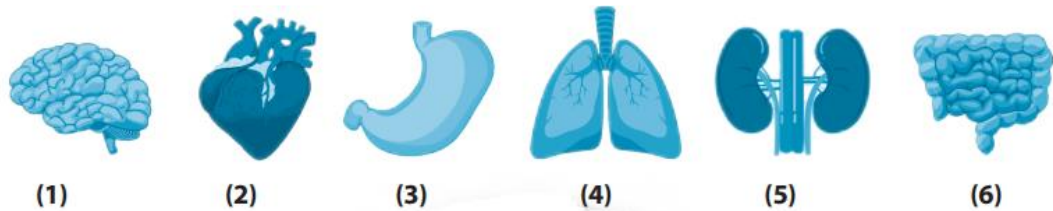
Đáp án: C

Câu 10. Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm:

- A. Hệ rễ và hệ chồi
- B. Hệ chồi và hệ thân
- C. Hệ thân và hệ chồi
- D. Hệ cơ và hệ rễ

Đáp án: A

Câu 11. Quan sát một số cơ quan trong hình sau:



a) Cơ quan (1) thuộc hệ cơ quan nào sau đây?

- A. Hệ tuần hoàn.
- B. Hệ thần kinh.
- C. Hệ hô hấp.
- D. Hệ tiêu hoá.

b) Hệ tiêu hoá gồm các cơ quan nào?

- A. (2), (3).
- B. (3), (4).

C. (3), (5).

D. (3), (6).

Đáp án: a) B; b) D

Câu 12. Nối các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào ở cột bên trái với các ví dụ tương ứng ở cột bên phải.

Cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào	Ví dụ
1. Mô	A. Ngựa vằn
2. Cơ thể	B. Mô cơ trơn
3. Tế bào	C. Tế bào cơ
4. Hệ cơ quan	D. Dạ dày
5. Cơ quan	E. Hệ tiêu hóa

Câu 13. Hoàn thành đoạn thông tin sau:

Trong cơ thể đa bào, (1) ... thường được sắp xếp vào trong các mô, các cơ quan và các hệ cơ quan. (2) ... là tập hợp các tế bào giống nhau cùng phối hợp thực hiện một chức năng nhất định. Chẳng hạn, hệ thần kinh của bạn được tạo thành từ (3) ... (gồm các tế bào thần kinh), mô bì, mô liên kết. Nó chỉ đạo các hoạt động và quy trình của cơ thể sống.

Trả lời:

(1) tế bào, (2) Mô, (3) mô thần kinh.

Câu 14. Nối các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào ở cột A với các định nghĩa tương ứng ở cột B.





































Cột A	Cột B
1. Tế bào	A. Bao gồm các tổ chức hoạt động thống nhất và phối hợp nhịp nhàng.
2. Mô	B. Là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.
3. Cơ quan	C. Gồm một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện chức năng nhất định.
4. Hệ cơ quan	D. Là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của mọi cơ thể sống.
5. Cơ thể	E. Là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau về hình dạng và cùng thực hiện một chức năng nhất định.

DẶN DÒ:

1/ Em học thuộc nội dung bài học:

Phải nắm được kiến thức theo các yêu cầu sau:

2/Trả lời câu hỏi và bài tập

CÁC HOẠT ĐỘNG	HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN												
Tên bài học/ chủ đề	CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG BÀI 22: PHÂN LOẠI THỂ GIỚI SỐNG												
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu SGK và thực hiện các yêu cầu</i>	<p>Hoạt động 1: Sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống Quan sát hình ảnh sau và kể tên các sinh vật có trong hình ảnh đó?</p> <table border="0" style="width: 100%; text-align: center;"><tr><td> Vượn</td><td> Nhện</td><td> Rùa</td><td> Bướm bướm</td></tr><tr><td> Cò</td><td> Vi khuẩn</td><td> Bọ cánh cam</td><td> Cá</td></tr><tr><td> Trùng giày</td><td> Dương xỉ</td><td> Cây thông</td><td> Cây hoa súng</td></tr></table> <p>Vì sao mỗi loài đều có tên gọi riêng? → Để phân biệt các loài với nhau</p> <p>Dựa vào đâu em có thể phân biệt được các nhóm sinh vật? → Môi trường sống, kiểu dinh dưỡng...</p> <p>Em có nhận xét gì về thế giới sống? → Thế giới sống đa dạng về số lượng các loài sinh vật, đa dạng về đặc điểm và môi trường sống của chúng.</p> <p>Thế giới sống có thể được phân loại theo những tiêu chí nào? Trên cơ sở đó, em hãy phân loại các sinh vật trong hình 22.1.</p> <p>Tiêu chí để phân loại:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm tế bào: tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực.- Mức độ tổ chức cơ thể: cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào.	 Vượn	 Nhện	 Rùa	 Bướm bướm	 Cò	 Vi khuẩn	 Bọ cánh cam	 Cá	 Trùng giày	 Dương xỉ	 Cây thông	 Cây hoa súng
 Vượn	 Nhện	 Rùa	 Bướm bướm										
 Cò	 Vi khuẩn	 Bọ cánh cam	 Cá										
 Trùng giày	 Dương xỉ	 Cây thông	 Cây hoa súng										

- Môi trường sống: môi trường nước, môi trường cạn.
- Kiểu dinh dưỡng: tự dưỡng, dị dưỡng.

Đặc điểm tế bào:

Tế bào nhân sơ

Vi khuẩn

Tế bào nhân thực

Voọc, nhện, rùa, bướm, bọ cánh cam, cá, cò, trùng giày, cây dương xỉ, cây thông, cây hoa súng

Mức độ tổ chức cơ thể:

Cơ thể đơn bào

Vi khuẩn, trùng giày

Cơ thể đa bào.

Voọc, nhện, rùa, bướm, bọ cánh cam, cá, cò, cây dương xỉ, cây thông, cây hoa súng.

Môi trường sống:

Môi trường nước

Cá, trùng giày, cây hoa súng

Môi trường cạn

Voọc, nhện, rùa, bướm, bọ cánh cam, cò, cây dương xỉ, cây thông.

Kiểu dinh dưỡng:

Tự dưỡng

Cây dương xỉ, cây thông, cây hoa súng

Dị dưỡng

Voọc, nhện, rùa, bướm, vi khuẩn, bọ cánh cam, cá, cò, trùng giày.

Vì sao chúng ta phải phân loại thế giới sinh vật? Vậy phân loại thế giới sống là gì?

- Việc phân loại thế giới sống giúp chúng ta gọi đúng tên sinh vật, đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại, nhận ra sự đa dạng của sinh giới.
- Phân loại thế giới sống là cách xếp sinh vật vào một hệ thống theo trật tự nhất định dựa vào đặc điểm cơ thể.

Hoạt động 2. Các bậc phân loại sinh vật

a. Tìm hiểu về các bậc phân loại sinh vật

Em hãy quan sát hình 22.2 và kể tên các bậc phân loại từ thấp đến cao?

Loài → Chi → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới

Từ cách phân loại loài Gấu đen châu Mỹ, em hãy cho biết các bậc phân loại của loài Gấu trắng trong hình 22.3

Loài Gấu trắng trong hình thuộc: giống Gấu, họ Gấu, bộ Ăn thịt, lớp Thú, ngành Dây sống, giới Động vật.

b. Tìm hiểu cách gọi tên loài

Quan sát hình 22.4 và cho biết sinh vật có những cách gọi tên nào?

Có 3 cách gọi tên sinh vật:

- **Tên phổ thông** là cách gọi phổ biến của loài đó trong danh mục tra cứu.
- **Tên khoa học** = Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố);
- **Tên địa phương** là cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia.

Nêu cách gọi tên khoa học của 1 số loài sau:

Tên phổ thông	Tên chi/ giống	Tên loài
Con người	<i>Homo</i>	<i>Sapiens</i>
Chim bồ câu	<i>Columba</i>	<i>Livia</i>
Cây ngọc lan trắng	<i>Magnolia</i>	<i>Alba</i>
Cây ngô	<i>Zea</i>	<i>Mays</i>

VD: Cách gọi tên khoa học của con người:

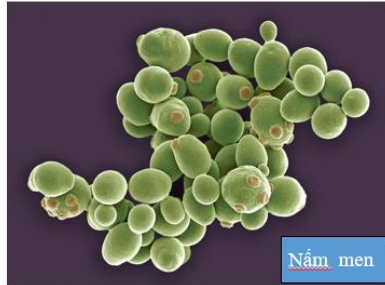
- Tên phổ thông: Con người
- Tên khoa học: Homo sapiens
- Tên chi: Homo
- Tên loài: Sapiens

Hoạt động 3. Các giới sinh vật

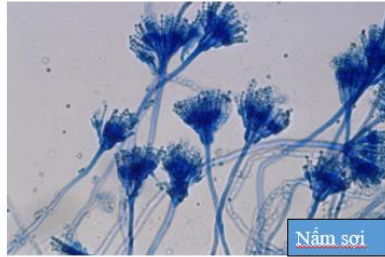
Quan sát hình 22.5, hãy cho biết: Thế nào là Giới? Sinh vật được chia thành mấy giới? Kể tên một số đại diện sinh vật thuộc mỗi giới?

- Giới là đơn vị phân loại lớn nhất bao gồm các nhóm sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.
- Theo Whittaker, 1969, thế giới sống được chia thành năm giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật, Động vật.
- Đại diện mỗi giới là: vi khuẩn thuộc giới Khởi sinh; trùng giày thuộc giới Nguyên sinh; nấm rơm thuộc giới Nấm; cây cam thuộc giới Thực vật, gấu thuộc giới Động vật.

Em có thể phân biệt năm giới sinh vật dựa vào những tiêu chí nào?



Nấm men

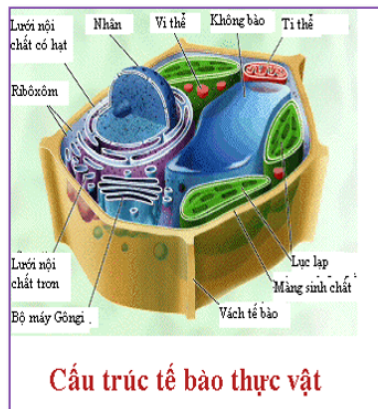


Nấm sợi

3. Giới Nấm (Fungi)

Loại tế bào	- Nhân thực - Thành TB chứa Kitin, không có lục lạp
Mức độ tổ chức Cơ thể	- Đơn bào hoặc đa bào - Cấu trúc dạng sợi
Kiểu dinh dưỡng	- <u>Di dưỡng</u> (hoại sinh, kí sinh, cộng sinh)
Đại diện	- <u>Nấm men</u> , <u>nấm sợi</u>

4. Giới Thực vật (Plantae)



Cấu trúc tế bào thực vật

Loại tế bào	Nhân thực Thành TB chứa xenlulose, có lục lạp
Mức độ tổ chức cơ thể	Đa bào phức tạp, Khả năng cảm ứng chậm
Kiểu dinh dưỡng	<u>Quang tự dưỡng</u>
Đại diện	<u>Rêu</u> , <u>dương xỉ</u> , <u>thông đất</u> , <u>lúa nước</u>

5. Giới Động vật (Animalia)



Loại tế bào	- Nhân thực
Mức độ tổ chức cơ thể	- Đa bào phức tạp - Phản ứng nhanh - Có khả năng di chuyển
Kiểu dinh dưỡng	- <u>Di dưỡng</u>
Đại diện	- <u>Giun đất</u> , <u>tôm sông</u> , <u>châu chấu</u> , <u>thạch sùng</u> , <u>khí vàng</u>

<u>Giới</u> <u>Nội dung</u>	<u>Khởi sinh</u> <u>(Monera)</u>	<u>Nguyên sinh</u> <u>(Protista)</u>	<u>Nấm</u> <u>(Fungi)</u>	<u>Thực vật</u> <u>(Plantae)</u>	<u>Động vật</u> <u>(Animalia)</u>
<u>Cấu tạo tế bào</u>	Nhân sơ	Nhân thực	Nhân thực (<u>Thành tế bào chứa kitin</u>)	Nhân thực (<u>Thành tế bào chứa xenlulozo</u>)	Nhân thực
<u>Mức độ tổ chức cơ thể</u>	-Đơn bào -Kích thước nhỏ (1-5 µm)	-Đơn bào - Đa bào	-Đơn bào hoặc đa bào - Cấu trúc dạng sợi	- Đa bào phức tạp - Khả năng phản ứng chậm	-Đa bào phức tạp -Phản ứng nhanh
<u>Kiểu dinh dưỡng</u>	- <u>Tự dưỡng</u> - <u>Đị dưỡng</u> (hoại sinh, kí sinh)	- <u>Tự dưỡng</u> - <u>Đị dưỡng</u> (hoại sinh, kí sinh)	- <u>Đị dưỡng</u> (hoại sinh, kí sinh, cộng sinh)	- Quang tự dưỡng	- <u>Đị dưỡng</u>
<u>Đại diện</u>	- Vi khuẩn	- <u>Trùng roi</u> - <u>Tảo lục</u>	<u>Nấm men</u> , <u>nấm sợi</u>	- <u>Rêu tường</u> - <u>Dương xỉ</u> - <u>Thông đất</u> - <u>Lúa nước</u>	San hô, tôm sông, giun đất, chim...

Hãy xác định môi trường sống của đại diện các sinh vật thuộc năm giới bằng cách hoàn thành bảng sau:

<u>Giới</u>	<u>Đại diện</u>	<u>Môi trường sống</u>		
		<u>Nước</u>	<u>Can</u>	<u>Sinh vật</u>
<u>Khởi sinh</u>	<u>Vi khuẩn E.coli</u>	+	+	+
<u>Nguyên sinh</u>	<u>Trùng roi</u>	+	-	-
<u>Nấm</u>	<u>Nấm rơm</u>	-	+	-
<u>Thực vật</u>	<u>Cây rau muống</u>	+	+	-
<u>Động vật</u>	<u>Cá chép</u>	+	-	-

Hoạt động 4. Khóa lưỡng phân

Quan sát hình. Nêu các đặc điểm được sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình?



Con thỏ



Cây hoa sen



Con cá rô phi



Con chim bồ câu

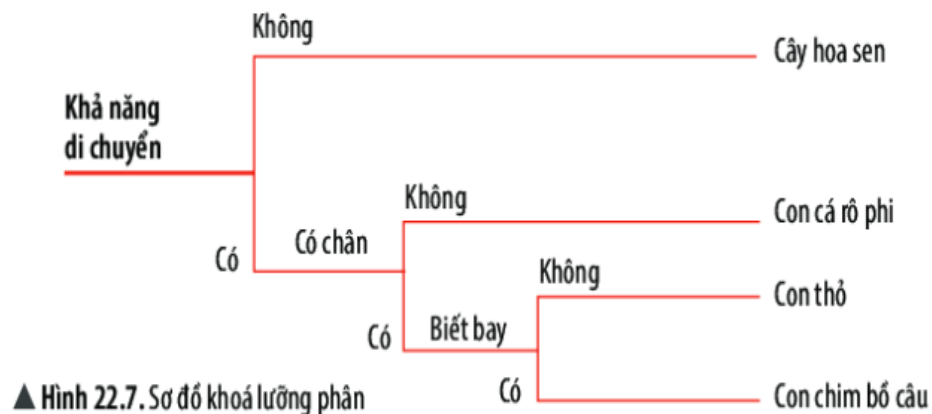
Một số đại diện sinh vật

Tên sinh vật	Đặc điểm
Con <u>thỏ</u>	Có khả năng di chuyển, có chân, không biết bay.
Cây <u>hoa sen</u>	Không có khả năng di chuyển.
Con <u>cá rô phi</u>	Có khả năng di chuyển, không có chân.
Con <u>chim bồ câu</u>	Có khả năng di chuyển, có chân, biết bay.

➔ Các tiêu chí được sử dụng để phân biệt các sinh vật trong hình:

- Khả năng di chuyển.
- Khả năng bay.
- Có chân hoặc không.

Em hãy cho biết cách xây dựng khóa lưỡng phân trong hình 22.7?



Bước 1: Xác định đặc điểm đặc trưng của mỗi sinh vật.

Bước 2 : Dựa vào đặc điểm đặc trưng nhất để phân chia sinh vật thành hai nhóm.

Bước 3: Tiếp tục phân chia các nhóm trên thành hai nhóm nhỏ hơn cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn một sinh vật

Bước 4: Xây dựng khóa lưỡng phân hoàn chỉnh.

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Câu 1: Thế giới sinh vật được chia vào các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự.

- A. Loài - chi - họ - bộ - lớp - ngành - giới.
- B. Loài - họ - chi - bộ - lớp - ngành - giới.
- C. Giới - ngành - bộ - lớp - họ - chi - loài
- D. Giới - họ - lớp - ngành - bộ - họ - chi - loài.

Đáp án : A

Câu 2: Tên khoa học của loài người là Homo sapiens Linnaeus, 1758. Hãy xác định tên giống, loài, tác giả, năm tìm ra loài đó.

Trả lời:

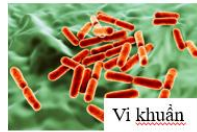
Tên giống: Homo

Tên loài: Sapiens

Tác giả: Linnaeus

Năm tìm ra: 1758

Câu 3: Quan sát hình cho biết các loài sinh vật thuộc giới nào?



Vi khuẩn



Con gà



Con ong



Trùng roi



Cây rêu



Con ếch



Cây phượng



Nấm đùi gà

Sinh vật	Giới
Vi khuẩn	Khởi sinh
Gà	Động vật
Ong	Động vật
Trùng roi	Nguyên sinh
Rêu	Thực vật
Ếch	Động vật
Cây phượng	Thực vật
Nấm đùi gà	Nấm

NỘI DUNG GHI BÀI:

CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG

BÀI 22: PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG

1. Phân loại thế giới sống

- Phân loại thế giới sống là cách xếp sinh vật vào một hệ thống theo trật tự nhất định dựa vào đặc điểm cơ thể.

- Nhiệm vụ của phân loại thế giới sống là phát hiện, mô tả, đặt tên và sắp xếp sinh vật vào hệ thống phân loại.

2. Các bậc phân loại sinh vật

- Trong nguyên tắc phân loại, các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn theo trật tự: Loài → chi/giống → bộ → lớp → ngành → giới.

- Trong đó, loài là bậc phân loại cơ bản, bậc phân loại càng nhỏ thì sự khác nhau giữa các sinh vật cùng bậc càng ít.

Cách gọi tên sinh vật:

- **Tên phổ thông:** là cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu.

- **Tên khoa học:** là cách gọi tên một loài sinh vật theo tên chi/giống và tên loài.

- **Tên địa phương:** là cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng, miền, quốc gia.

3. Tìm hiểu về năm giới sinh vật

- Giới(Regnum): là đơn vị phân loại lớn nhất bao gồm các nhóm sinh vật có chung những đặc điểm nhất định.

- Theo Whittaker, 1969, thế giới sống được chia thành năm giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật, Động vật.

4. Khóa lưỡng phân

- Khóa lưỡng phân là cách phân loại sinh vật dựa trên một đôi đặc điểm đối lập để phân chia chúng thành hai nhóm.

- Cách xây dựng khóa lưỡng phân: Xác định đặc điểm đặc trưng đối lập của mỗi sinh vật, dựa vào đó phân chia chúng thành hai nhóm cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn lại một sinh vật.

DẶN DÒ:

1/ Em học thuộc nội dung bài học:

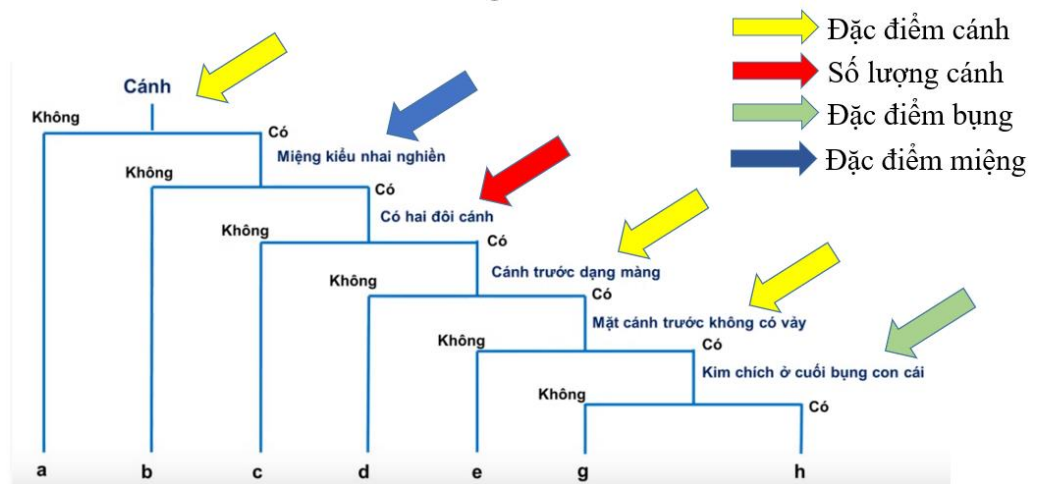
Phải nắm được kiến thức theo các yêu cầu sau:

2/Trả lời câu hỏi và bài tập

CÁC HOẠT ĐỘNG	HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN
Tên bài học/ chủ đề	BÀI 23: THỰC HÀNH XÂY DỰNG KHÓA LƯƠNG PHÂN
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu SGK và thực hiện các yêu cầu</i>	HOẠT ĐỘNG 1. CHUẨN BỊ Sơ đồ khóa lưỡng phân bảy bộ côn trùng. Bộ ảnh đại diện bảy bộ côn trùng. Bộ ảnh đại diện năm giới sinh vật. HOẠT ĐỘNG 2. CÁCH TIẾN HÀNH Bảng đặc điểm bộ côn trùng theo Linnaeus

Tên bảy bộ côn trùng	Đặc điểm		
	Cánh	Miệng	Bụng
Bộ Không cánh	Không có		
Bộ Cánh nửa	Cánh dạng nửa	Kiểu vòi hút	
Bộ Hai cánh	Có 1 đôi cánh	Kiểu nhai nghiền	
Bộ Cánh cứng	Có 2 đôi cánh, cánh trước dạng sừng (cứng)	Kiểu nhai nghiền	
Bộ Cánh vảy	Có 2 đôi cánh, cánh trước dạng màng, có vảy	Kiểu nhai nghiền	
Bộ Cánh mạng	Có 2 đôi cánh, cánh trước dạng màng, không có vảy	Kiểu nhai nghiền	Cuối bụng con cái không có kim chích
Bộ Cánh màng	Có 2 đôi cánh, cánh trước dạng màng, không có vảy	Kiểu nhai nghiền	Cuối bụng con cái có kim chích

Em hãy cho biết để phân biệt bảy bộ côn trùng thì con người đã dựa vào những đặc điểm nào?



Dựa vào sơ đồ khóa lưỡng phân và đặc điểm của 7 bộ côn trùng em hãy gọi tên các bộ côn trùng từ a đến h?

Dựa vào sơ đồ khóa lưỡng phân và đặc điểm của 7 bộ côn trùng em hãy gọi tên các bộ côn trùng từ a đến h?

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH XÂY DỰNG KHÓA LƯƠNG PHÂN

Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân với đại diện của năm giới sinh vật.

Đại diện của năm giới sinh vật



Giới Khởi sinh:
Vi khuẩn E.Coli



Giới Nguyên sinh:
Trùng giày



Giới Nấm:
Nấm rơm



Giới Thực vật:
Cây hoa sen



Giới Động vật:
Con mèo

Các bước xây dựng khóa lưỡng phân

Bước 1: Xác định đặc điểm đặc trưng của mỗi đại diện sinh vật trong năm giới.

Bước 2: Dựa vào một đôi đặc điểm đối lập phân chia sinh vật thành hai nhóm.

Bước 3: Tiếp tục phân chia các nhóm trên thành hai cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn một sinh vật.

Bước 4: Vẽ sơ đồ khóa lưỡng phân.

Bước 1: Xác định đặc điểm đặc trưng của mỗi đại diện sinh vật trong năm giới.



Vi khuẩn E.Coli

- Chỉ có 1 tế bào đơn giản.
- Chưa có màng nhân (nhân sơ)



Trùng giày

- Cơ thể cấu tạo từ 1 tế bào (cơ thể đơn bào).
- Nhân đã có màng nhân (nhân thực).
- Có khả năng di chuyển.
- Dinh dưỡng: dị dưỡng.



Nấm rơm

- Cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào (cơ thể đa bào).
- Dinh dưỡng: dị dưỡng.



Cây hoa sen

- Cơ thể đa bào.
- Có lục lạp.
- Dinh dưỡng: tự dưỡng



Con mèo

- Cơ thể đa bào.
- Có khả năng di chuyển.
- Dinh dưỡng: dị dưỡng.

Bước 2: Dựa vào một đôi đặc điểm đối lập phân chia sinh vật thành hai nhóm.

Bước 3: Tiếp tục phân chia các nhóm trên thành hai cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn một sinh vật.

Dựa vào những đặc điểm

Đặc điểm tế bào có màng nhân.

Cơ thể được tạo nên từ nhiều tế bào.

Tế bào không chứa lục lạp.

Có khả năng di chuyển.

Bước 4: Vẽ sơ đồ khóa lưỡng phân



Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Em hãy xây dựng khóa lưỡng phân cho các sinh vật sau:



Cá mập



Khỉ



Rùa



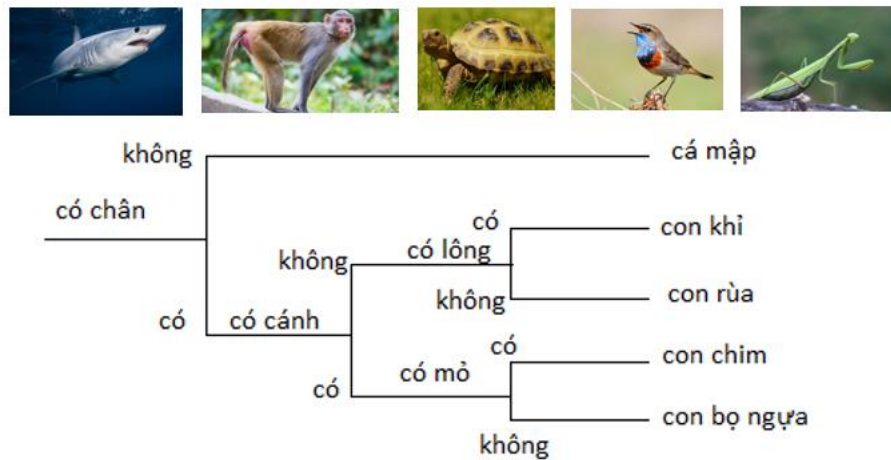
Chim



Bọ ngựa

Trả lời:

Sơ đồ khóa lưỡng phân

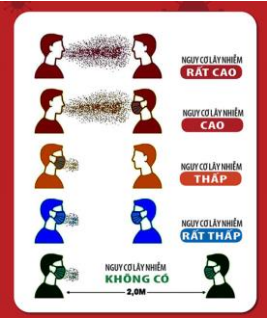

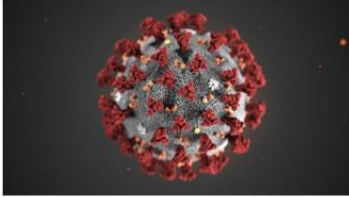
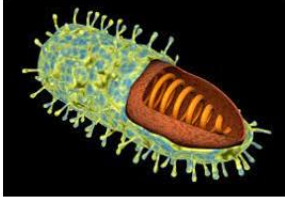

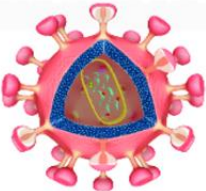



DẶN DÒ:

1/ Em học thuộc nội dung bài học:

Phải nắm được kiến thức theo các yêu cầu sau:

2/Trả lời câu hỏi và bài tập

CÁC HOẠT ĐỘNG	HƯỚNG DẪN HỌC SINH THỰC HIỆN
Tên bài học/ chủ đề	BÀI 24: VIRUS
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu SGK và thực hiện các yêu cầu</i></p>	<p>Hoạt động 1. Đặc điểm của virus</p>  <p>Quan sát hình và cho biết tầm quan trọng của việc đeo khẩu trang và giữ khoảng cách trong phòng chống virus Corona?</p> <p><i>Trả lời:</i> Giúp giảm nguy cơ lây nhiễm.</p> <p>Bằng mắt thường em có nhìn thấy được virus Corona không? Tại sao?</p> <p><i>Trả lời:</i> Bằng mắt thường không nhìn thấy được virus Corona vì kích thước của chúng rất nhỏ.</p> <p>Làm thế nào để quan sát được hình dạng và kích thước của virus?</p> <p><i>Trả lời:</i> Để quan sát được hình dạng và kích thước của virus phải sử dụng kính hiển vi điện tử và kính hiển vi sinh học.</p> <p>Quan sát một số hình ảnh sau:</p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>Virus khảm thuốc lá</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Virus Corona</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Virus đại</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Virus viêm kết mạc</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Virus HIV</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Thực khuẩn thể</p> </div> </div>

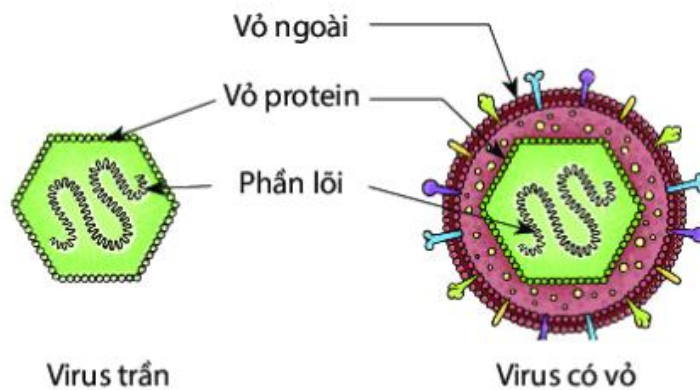
Em có nhận xét gì về hình dạng của các loại virus trong các hình trên?

PHIẾU HỌC TẬP

Dạng virus	Tên virus
Dạng xoắn	Virus khảm thuốc lá, virus dại
Dạng hình khối	Virus Corona, virus HIV virus viêm kết mạc
Dạng hỗn hợp	Thực khuẩn thể

Quan sát hình 24.2 nêu cấu tạo chung của virus?

Virus có cấu tạo đơn giản gồm: vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền một số có thêm lớp vỏ ngoài.



▲ Hình 24.2. Cấu tạo của virus

Cấu tạo của virus có gì khác so với cấu tạo của tế bào sinh vật nhân sơ và nhân thực mà em đã được học?

Virus có cấu tạo đơn giản gồm: vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền, một số có thêm lớp vỏ ngoài.

Tế bào nhân sơ có màng tế bào, chất tế bào và vùng nhân.

Tế bào nhân thực có màng tế bào, chất tế bào và nhân có màng nhân.

→ Vậy virus không có cấu tạo giống tế bào nhân sơ và nhân thực => Virus chưa có cấu tạo tế bào.

Tại sao virus phải sống kí sinh nội bào bắt buộc?

Trả lời:

Virus chưa có cấu tạo tế bào, không có các thành phần chính của một tế bào điển hình, nên khi ra khỏi tế bào vật chủ, virus tồn tại như một vật không sống.

Một số thông tin về virus Corona:

Ở nhiệt độ phòng 22°C - 25°C, độ ẩm 40 – 50%, virus sống khỏe tới 5 ngày, sau đó sẽ chết từ từ. Đây là nhiệt độ và độ ẩm điển hình của một căn phòng có điều hòa nhiệt độ.

Hoạt động 2. Vai trò của virus

Tìm hiểu lợi ích của virus

Tìm hiểu thông tin và cho biết ứng dụng của virus trong thực tiễn?

- Sản xuất các chế phẩm sinh học: interferon, vaccine, thuốc kháng sinh...
- Sản xuất thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

Thuốc trừ sâu có nguồn gốc từ virus có nhiều ưu điểm gì so với thuốc trừ sâu hóa học?

Thuốc trừ sâu từ virus không gây hại cho môi trường, con người và các sinh vật khác, có ưu điểm là tác dụng mạnh, lâu dài lên sâu bọ, bảo vệ môi trường, giảm thiểu độc hại và tồn dư trên sản phẩm và trong đất so với thuốc trừ sâu hóa học.

Thuốc trừ sâu hóa học là một con dao hai lưỡi, một mặt chúng tiêu diệt sinh vật có hại, nhưng đồng thời cũng tiêu diệt sinh vật có lợi, làm mất cân bằng hệ sinh thái, gây hậu quả về môi trường rất nghiêm trọng và kéo dài.

Ngày nay, việc lạm dụng thuốc trừ sâu hóa học đã ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường sống. Do đó, biện pháp phòng trừ sinh học đang ngày càng được xã hội quan tâm.

Tìm hiểu bệnh do virus gây ra và biện pháp phòng chống

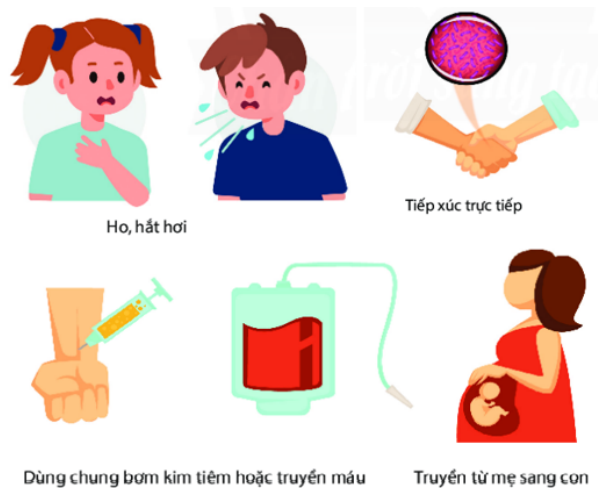
Quan sát và kể tên một số bệnh do virus gây ra? Nguyên nhân gây bệnh? Biểu hiện bệnh? Biện pháp phòng chống? Ghi nhận lại và hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Tên bệnh do virus	Tác nhân gây bệnh	Biểu hiện	Cách phòng chống
Bệnh viêm phổi cấp			
Bệnh cúm ở người			
Bệnh sốt xuất huyết			
Bệnh cúm ở gà			
Bệnh khảm ở cây cà chua			

Tên bệnh do virus	Tác nhân gây bệnh	Biểu hiện	Cách phòng chống
Viêm phổi cấp	Virus Corona	Sốt, đau đầu, đau họng, ho, khó thở, mất vị giác...	Tiêm vaccine, cách li hoàn toàn người bệnh, hạn chế tiếp xúc nơi đông người, đeo khẩu trang, rửa tay thường xuyên bằng xà bông...
Sốt xuất huyết	Virus Dengue	Đau đầu, sốt cao, đau đậy mắt, phát ban, chảy máu cam, nôn.	Tiêu diệt muỗi vằn, mặc mùng khi ngủ...
Bệnh cúm	Virus cúm	Sốt, đau đầu, đau họng, sổ mũi...	Tiêm vaccine, uống thuốc trị cúm...
Bệnh khảm ở cây cà chua	Virus khảm	Khảm loang lổ trên lá, xoắn lá, cong queo, nhãn nhúm.	Phun thuốc, chọn giống tốt...
Bệnh cúm gà	Virus cúm gia cầm	Xù lông, mắt ướt kèm nhèm, cơ thể mệt mỏi, ủ rũ, chậm chạp...	Vệ sinh chuồng trại thường xuyên. Tiêm vaccine cho gia cầm...

Quan sát hình và cho biết bệnh do virus có thể lan truyền qua những con đường nào? Hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do virus gây ra?



▲ Hình 24.7. Một số phương thức lây truyền bệnh do virus

Virus xâm nhập vào cơ thể bằng con đường tiếp xúc trực tiếp thông qua hô hấp, hoặc qua đường truyền máu, từ mẹ sang con, tiêm chích ma túy, dùng chung bơm kim tiêm, quan hệ tình dục,...

Để phòng chống bệnh do virus gây ra, chúng ta phải ngăn chặn các con đường truyền bệnh, tiêm vaccine phòng bệnh...

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Câu 1: Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo của virus, theo em, virus có phải thể sống không? Tại sao?

Trả lời:

Virus không phải là một cơ thể sống. Bởi vì chúng không có cấu tạo tế bào, không thể thực hiện các chức năng của cơ thể sống như trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng,... Chúng phải sống dựa vào vật chủ và nếu không có chủ thể thì virus chỉ là vật không sống.

ví dụ về một số biến dạng ở thực vật mà em biết.

Câu 2: Có bạn nói rằng: “virus chỉ có hại không có lợi ích gì cho con người” theo em nhận định này đúng không? Tại sao?

	<p>Trả lời: Quan điểm không đúng. Bởi vì virus có vai trò vô cùng quan trọng trong khoa học, từ virus chúng ta có thể sản xuất được nên các chế phẩm sinh học như thuốc kháng sinh, vaccine; hay trong nông nghiệp, virus được sử dụng để sản xuất thuốc trừ sâu mà không gây hại đến môi trường cũng như con người và các loài sinh vật khác.</p> <p>Câu 3: Em hãy nêu một số biện pháp phòng các bệnh do virus cúm gây ra ở người.</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện 5k. - Tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý xây dựng lối sống lành mạnh. - Vệ sinh thông thoáng nhà cửa, lau rửa các bề mặt hay tiếp xúc. - Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn. - ...
--	---

BÀI 24: VIRUS

1. Đặc điểm của virus

Virus có 3 dạng hình dạng đặc trưng:

- Dạng xoắn: Virus khảm thuốc lá, virus dại.
- Dạng hình khối: Virus cúm, virus viêm kết mạc.
- Dạng hỗn hợp: Thực khuẩn thể (phage).

Virus có cấu tạo đơn giản gồm: vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền một số có thêm lớp vỏ ngoài.

2. Vai trò của virus

- Virus có vai trò trong nghiên cứu khoa học và trong thực tiễn. Bên cạnh đó, virus là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh cho người, động vật và thực vật.
- Bệnh do virus có thể lây theo nhiều đường khác nhau: Từ mẹ sang con, tiếp xúc trực tiếp, truyền máu, tiêu hóa, hô hấp, động vật cắn...
- Để phòng chống các bệnh do virus chúng ta cần ngăn chặn hết các con đường lây truyền bệnh, tiêm vacxin phòng bệnh.

DẶN DÒ:

LƯU Ý: KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP, CẦN HỎI ĐÁP THẮC MẮC
EM HÃY SOẠN NỘI DUNG THẮC MẮC THEO MẪU SAU VÀ CHUYỂN VÀO

Email:

- Zalo:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
KHTN 6	Bài:.....	1. 2. 3.

CHÚC CÁC EM TỰ HỌC ĐẠT HIỆU QUẢ CAO